

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2070/QĐ-MDC

Hà Nội, ngày 4/3 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy trình khảo thí kết thúc học phần đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MDC ngày 12/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy trình khảo thí kết thúc học phần đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 457/QĐ-MDC ngày 21 tháng 4 năm 2016.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan, giảng viên và sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLGD(vấn)



PGS.TS Lê Hải An

QUY TRÌNH KHẢO THÍ KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

(kèm theo Quyết định số 2070/QĐ-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ngày 18/11/2016)

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy trình khảo thí kết thúc học phần (sau đây gọi tắt là Quy trình khảo thí) được áp dụng cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Quy trình này quy định trách nhiệm và quyền hạn, phân công nhiệm vụ các đơn vị và cá nhân thực hiện công tác khảo thí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục tiêu xây dựng và thực hiện quy trình khảo thí

Quy trình khảo thí là một trong những cơ sở quan trọng để đánh giá người học, đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường; là một trong những cơ sở để Nhà trường lập kế hoạch và triển khai các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Nội dung

Quy trình khảo thí được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu liên quan (Phụ lục 1)
Kế hoạch khảo thí	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT & ĐBCLGD).	Mẫu 01: Kế hoạch khảo thí; lịch thi; kế hoạch nộp đề thi, nhập các điểm thành phần b. c; coi thi, chấm thi; báo điểm; phúc khảo.
Hình thức thi, đề thi, đáp án	Các bộ môn, khoa, P.KT&ĐBCLGD.	Mẫu 02: Mẫu đề thi, đáp án.
In sao, đóng gói và quản lý đề thi, đáp án	P.KT&ĐBCLGD, các bộ môn.	Mẫu 03: Biên bản sao in đề thi.
Tổ chức thi	P.KT&ĐBCLGD, các bộ môn, khoa.	Mẫu 04: Danh sách phòng thi. Mẫu 05: Biên bản giao-nhận đề thi. Mẫu 06: Biên bản giao-nhận bài thi. Mẫu 07: Biên bản xử lý vi phạm quy chế thi.
Chấm thi, nhập điểm vào hệ thống	P.KT&ĐBCLGD, P.ĐTĐH, các bộ môn, khoa.	Mẫu 08: Biên bản giao-nhận bài thi/kết quả thi. Mẫu 09: Biên bản ghi SBD-Phách. Mẫu 10: Biên bản chấm thi. Mẫu 11: Bảng ghi điểm thi.
Tổ chức phúc khảo	P.KT&ĐBCLGD, các bộ môn, khoa.	Mẫu 12: Đơn xin phúc khảo.
Quản lý kết quả thi và bài thi	P.KT&ĐBCLGD, P.ĐTĐH, các khoa.	Mẫu 13: Biên bản bàn giao kết quả thi. Mẫu 14: Biên bản hủy bài thi.

3.1 Kế hoạch khảo thí

Trên cơ sở nội dung giảng dạy của năm học, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giữ các tài liệu hoạch khảo thí:

- Đầu năm học, phòng KT&ĐBCLGD thông báo tới các khoa, bộ môn về các học phần khảo thí của học kỳ.
- Bộ môn chuẩn bị đề thi và đáp án, gửi về phòng KT&ĐBCLGD trước khi học phần kết thúc 02 tuần. Khi Nhà trường đã xây dựng được ngân hàng đề thi, bộ môn kết hợp với phòng KT&ĐBCLGD chuẩn bị đề thi ngẫu nhiên trước khi học phần kết thúc 02 tuần.
- Lịch thi được thông báo sau 02 tuần đầu của học kỳ chính cho tất cả các học phần của học kỳ.
- Giảng viên nhập điểm thành phần b, c, trong khoảng 14 ngày, gồm 07 ngày trước và 07 ngày sau khi đợt học kết thúc; in bảng điểm từ hệ thống, ký tên và gửi về phòng Đào tạo Đại học (DTDH).

3.2 Hình thức thi, đề thi và đáp án

Hình thức thi kết thúc học phần do Trường bộ môn quyết định và gửi về phòng KT&ĐBCLGD bằng văn bản khi bộ môn đăng ký các học phần khảo thí. Hình thức thi có thể là tự luận, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm kết hợp tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành trên máy.

Đề thi và đáp án được bộ môn chuẩn bị theo quy định của Nhà trường (Phụ lục 1, Mẫu 02, Phụ lục 2, Mục I). Đề thi và đáp án được bộ môn cập nhật hàng năm.

3.3 In sao, đóng gói và quản lý đề thi, đáp án

Phòng KT&ĐBCLGD có trách nhiệm quản lý đề thi và đáp án. Đề thi được in sao và đóng gói theo số liệu của môn thi và phòng thí. Đề thi và đáp án được lưu trữ, bảo mật tại bộ môn chủ quản học phần và tại phòng KT&ĐBCLGD.

3.4 Tổ chức thi

3.4.1 Thi tự luận và trắc nghiệm trên giấy

Phòng KT&ĐBCLGD kết hợp với phòng Đào tạo Đại học, phòng Tài vụ thông báo tới các khoa, bộ môn danh sách sinh viên (SV) đủ điều kiện dự thi hết học phần và danh sách các phòng thí; thông báo tới sinh viên các thông tin về kỳ thi; kết hợp cùng các khoa, bộ môn giải quyết các vướng mắc về danh sách sinh viên dự thi, số lượng cán bộ coi thi cần hỗ trợ.

Trong buổi thi, ca thi:

a) Phòng KT&ĐBCLGD

Bàn giao tài liệu phòng thí (đề thi, giấy thi, giấy nháp, Danh sách phòng thí, Danh sách thu bài thi...) cho bộ môn, cán bộ coi thi (CBCT) trước giờ thi 30 phút.

Bổ trí cán bộ trực để hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục thi và kiểm tra tình hình buổi thi, ca thi; sau khi hết thời gian thi, thu nhận bài thi từ CBCT và làm Biên bản giao-nhận bài thi.

b) Các khoa, bộ môn, cán bộ coi thi

Bộ môn và khoa chủ quản bố trí CBCT theo số liệu phòng thí do KT&ĐBCLGD thông báo. Số lượng CBCT phải được bố trí đầy đủ theo quy định của Nhà trường (Phụ lục 2, Mục II). Nếu cần hỗ trợ về CBCT, bộ môn và khoa chủ động phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD 02 tuần trước ngày thi để cùng giải quyết.

Cán bộ coi thi thực hiện đúng các quy định (Phụ lục 2, Mục II), không tự ý ghi thêm tên sinh viên vào Danh sách phòng thí và cho sinh viên dự thi trừ khi có giấy phép học ghép hoặc giấy tờ cho phép dự thi có chữ ký của lãnh đạo phòng ĐTDH hoặc phòng KT&ĐBCLGD.

Khi hết thời gian thi, các CBCT thu bài thi và yêu cầu sinh viên viết mã đề, số tờ giấy thi và ký tên vào Danh sách phòng thí. CBCT ký tên vào tất cả bài thi; sắp xếp bài thi theo thứ tự số báo danh; ghi tổng số bài thi, tổng số tờ giấy thi, ký tên xác nhận vào Danh sách phòng thí và Lưu trữ bài thi.

phòng KT&ĐBCLGD kiểm tra, giao tài liệu thi và các tài liệu khác cho Ban giao-nhận bài thi.

3.4.2 Thi vấn đáp

Bộ môn dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức thi cho học phần thi vấn đáp. Thời gian thi phải tương thích với lịch thi chung của toàn trường. Trong trường hợp cần điều chỉnh thời gian thi ngoài thời gian chung hoặc hỗ trợ về phòng thi, bộ môn phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD và các phòng liên quan trước 01 tuần để cùng giải quyết.

Trong buổi thi:

a) Phòng KT&ĐBCLGD

Ban giao tài liệu phòng thi (đề thi, giấy thi, giấy nháp, Danh sách phòng thi, Bảng ghi điểm thi) cho bộ môn, cán bộ coi thi trước giờ thi 30 phút; bố trí cán bộ trực buổi thi; nhận kết quả thi từ bộ môn và làm Biên bản giao-nhận kết quả thi.

b) Các khoa, bộ môn, cán bộ hội thi

Việc đánh giá thi theo hình thức vấn đáp ít nhất do 02 giảng viên đảm nhận. Trong buổi thi, mỗi sinh viên được nhận 01 đề thi; thời gian sinh viên được chuẩn bị vấn đáp tối thiểu là 10 phút; thời gian hỏi thi và trả lời vấn đáp không quá 15 phút đối với mỗi sinh viên. Kết quả thi phải được công bố ngay sau khi buổi thi vấn đáp kết thúc. Bộ môn tập hợp kết quả thi, gửi về cho phòng KT&ĐBCLGD và ký xác nhận vào Biên bản giao-nhận kết quả thi.

3.4.3 Thi trắc nghiệm, thực hành trên máy

Hình thức thi trắc nghiệm, thực hành trên máy tính hoặc các loại máy chuyên dụng được tổ chức trên cơ sở đề xuất của bộ môn, khoa về: mục đích, nội dung, bố cục của một bài thi, buổi thi; yêu cầu đối với các đơn vị phối hợp; yêu cầu đối với cán bộ coi thi và điều kiện cơ sở vật chất cho buổi thi.

Phòng KT&ĐBCLGD có thể điều chỉnh lịch thi cho phù hợp, báo lại với khoa chủ quan, bộ môn, có phương án lưu bài thi trên máy.

Trong các buổi, ca thi:

a) Phòng KT&ĐBCLGD

Ban giao tài liệu phòng thi cho bộ môn, cán bộ coi thi trước giờ thi 30 phút; bố trí cán bộ trực buổi thi, ca thi; thu nhận file bài thi hoặc kết quả thi từ bộ môn và làm Biên bản giao-nhận bài thi/kết quả thi.

b) Các khoa, bộ môn, cán bộ coi thi

Các khoa và bộ môn chủ quản phối hợp với phòng KT&ĐBCLGD chuẩn bị hệ thống máy tính, cài đặt phần mềm, chuẩn bị đề thi trên máy tính; phân công cán bộ coi thi phù hợp với yêu cầu của học phần và buổi thi.

Cán bộ coi thi kiểm tra điều kiện thi đối với máy tính; gọi sinh viên vào phòng thi và hỗ trợ máy tính cho sinh viên; phổ biến các yêu cầu về thiết bị, tài liệu không được phép sử dụng (Phụ lục 2, Mục III); cho sinh viên làm bài thi; hướng dẫn quy trình đặt tên file, thư mục khi phải lưu bài thi.

Khi hết thời gian làm bài, CBCT lưu giữ file bài thi và yêu cầu sinh viên ký vào Danh sách phòng thi; gửi file bài thi về cho phòng KT&ĐBCLGD và ký xác nhận vào Biên bản giao-nhận bài thi.

Đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính, kết quả thi phải được công bố ngay sau khi buổi thi kết thúc. Bộ môn tập hợp kết quả thi, gửi về cho phòng KT&ĐBCLGD và ký xác nhận vào Biên bản giao-nhận kết quả thi.

3.5 Chấm thi, nhập điểm vào hệ thống

Quy trình chấm thi được áp dụng cho các học phần thi tự luận, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm kết hợp với tự luận và thực hành trên máy.

a) Phòng KT&ĐBCLGD

Phòng KT&ĐBCLGD điều hành, giám sát quy trình chấm thi và gửi điểm thi các học phần.

- Thống kê danh sách sinh viên vi phạm quy chế thi, vắng thi. Kiểm tra bài thi, làm phách các bài thi, làm phách các file bài thi thực hành trên máy trong vòng 02 ngày sau ngày thi.
- Giao bài thi đã làm phách cho bộ môn, giảng viên chấm bài thi; tổ chức chấm thi tập trung hoặc bố trí giám sát chấm thi tại các địa điểm chấm thi.
- Nhận lại bài thi đã chấm xong và Biên bản chấm thi từ bộ môn; nhận lại toàn bộ bài thi chấm chưa xong từ bộ môn vào cuối ngày làm việc.
- Chép phách bài thi và nhập điểm thi vào hệ thống 02 lần/tuần
- Điểm thi của các học phần khảo thí phải được công bố chậm nhất 02 tuần sau khi kết thúc thi của học phần cuối cùng.

h) Phòng Đào tạo Đại học

Cập nhật kết quả thi vào Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất sau 02 ngày từ khi nhận được kết quả từ phòng KT&ĐBCLGD.

c) Các khoa, bộ môn

Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm điều hành công tác chấm thi các học phần do bộ môn quản lý:

- Bộ môn, giảng viên nhận bài thi hoặc các file bài thi đã làm phách, Biên bản chấm thi và ký nhận vào Biên bản giao-nhận bài thi.
- Tổ chức chấm thi theo hai lần: giảng viên chấm lần một ghi điểm từng câu vào bài thi; giảng viên chấm lần hai có nhiệm vụ kiểm tra kết quả chấm lần một và ghi điểm kết luận của bài thi. Điểm của từng phần của bài thi được cho theo đáp án. Điểm kết luận của bài thi được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- Hai giảng viên chấm thi phải ký và ghi rõ họ tên vào bài thi; sắp xếp các bài thi theo thứ tự phách tăng dần hoặc theo điểm thi khi bài thi được làm phách bằng mã vạch.
- Nhập điểm vào bản in hoặc file Biên bản chấm thi; kiểm dò điểm trên Biên bản chấm thi và trên bài thi, trên phiếu chấm đối với bài thi thực hành trên máy tính.
- In Biên bản chấm thi (đã được kiểm dò), ký tên xác nhận và gửi cùng với túi bài thi đã chấm cho phòng KT&ĐBCLGD.
- Các bộ môn phải hoàn thành chấm thi học phần trong thời gian 07 ngày sau khi thi học phần.

3.6 Tổ chức phúc khảo

Phòng KT&ĐBCLGD nhận đơn xin phúc khảo trong thời gian 10 ngày kể từ ngày thi học phần cuối cùng.

Trong 02 tuần kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo, phòng KT&ĐBCLGD tổ chức phúc khảo bài thi và thông báo điểm phúc khảo. Không tổ chức phúc khảo đối với các học phần thi theo hình thức vấn đáp và trắc nghiệm trên máy tính.

3.7 Quản lý kết quả thi và bài thi

Sau 01 tháng kể từ ngày công bố kết quả phúc khảo của đợt thi, phòng KT&ĐBCLGD không giải quyết các thắc mắc của sinh viên về kết quả thi kết thúc học phần.

Phòng KT&ĐBCLGD lưu kết quả thi dưới dạng file .excel, Bảng ghi điểm thi dưới dạng file .pdf trong đĩa DVDROM. Phòng ĐTDH lưu kết quả thi trong Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Các khoa xuất dữ liệu từ phần mềm quản lý đào tạo và lưu kết quả thi dưới dạng file.pdf

Bài thi được lưu giữ tối thiểu 02 năm. Phòng KT&ĐBCLGD lập biên bản trước khi hủy bài thi đã hết hạn lưu trữ.

4. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên khi thực hiện Quy trình khảo thí

Khi thi kết thúc học phần, sinh viên phải chấp hành mọi quy định của Nhà trường, các quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy (Phụ lục 2, Mục III).

Sinh viên có quyền được nộp đơn phúc khảo bài thi theo quy định.

Sinh viên có quyền và trách nhiệm phản ánh với phòng KT&ĐBCLGD, Ban thanh tra khi có bằng chứng về sai phạm trong quá trình thực hiện Quy trình khảo thí.

5. Tổ chức thực hiện

Quy trình khảo thí được triển khai thực hiện tới các đơn vị liên quan, giảng viên và sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Quyền lợi của cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người tham gia Quy trình khảo thí được đảm bảo bởi các quy định hiện hành của Nhà trường.

Mọi vi phạm trong công tác khảo thí sẽ bị xử lý theo Luật Giáo dục đại học, Luật Cán bộ công chức, Quy chế tuyển sinh, Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy và theo quy định hiện hành của Nhà trường.



PHỤ LỤC 1 (C 1): Các biểu mẫu dùng trong Quy trình khảo thí

- Mẫu 01: Kế hoạch khảo thí; lịch thi; kế hoạch nộp đề thi; nhập các điểm thành phần b, c; coi thi, chấm thi; bảo điểm; phúc khảo.
- Mẫu 02: Mẫu đề thi, đáp án, phiếu trả lời trắc nghiệm.
- Mẫu 03: Biên bản sao in đề thi.
- Mẫu 04: Danh sách phòng thi.
- Mẫu 05: Biên bản giao-nhận đề thi.
- Mẫu 06: Biên bản giao-nhận bài thi.
- Mẫu 07: Biên bản xử lý vi phạm quy chế thi.
- Mẫu 08: Biên bản giao-nhận bài thi/kết quả thi.
- Mẫu 09: Biên bản ghi SBD-Phách.
- Mẫu 10: Biên bản chấm thi (Phách -Điểm).
- Mẫu 11: Bảng ghi điểm thi.
- Mẫu 12: Đơn xin phúc khảo.
- Mẫu 13: Biên bản bàn giao kết quả thi.
- Mẫu 14: Biên bản hủy bài thi định kỳ.

PHỤ LỤC 2: Một số quy định chung trong công tác khảo thí**I. Quy định về đề thi và đáp án**

1. Quy định chung: Đề thi và đáp án của học phần thi khảo thí cần được xây dựng theo mẫu (Mẫu Q2). Trong đề thi cần có các quy định về việc sử dụng tài liệu, thiết bị điện tử để kết nối internet, bluetooth, hồng ngoại,...

2. Quy định về đề thi và đáp án

- Số lượng đề thi: Đối với hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm trên giấy hoặc thi trắc nghiệm thực hành trên máy, một ca thi phải có 06 đề thi khác nhau. Đối với hình thức thi vấn đáp, số đề cho mỗi đợt thi cần chuẩn bị tối thiểu là 40 đề.

- Thời gian làm bài thi phải phù hợp với số tín chỉ của học phần. Thời gian làm bài thi tự luận, trắc nghiệm trên giấy, kết hợp trắc nghiệm - tự luận là 60 hoặc 75 phút.

- Cấu trúc đề thi: Số lượng câu của đề thi phải đảm bảo thời gian làm bài và phù hợp với tính chất của học phần; các câu hỏi trắc nghiệm phải có điểm giống nhau.

- Đáp án của đề thi: Đáp án đề thi tự luận phải có lời giải chi tiết cho từng ý của mỗi câu, có thang điểm cho từng ý và cho toàn bộ câu hỏi của đề thi.

3. Đề thi, đáp án được đặt trong phong bì A4, có ghi các thông tin về địa điểm thi, tên học phần, hình thức thi, quy định về việc sử dụng tài liệu. Phong bì đề thi, đáp án phải được ký niêm phong của người có trách nhiệm và gửi về phòng KT&ĐBCLGD.

II. Quy định về số lượng và yêu cầu đối với cán bộ coi thi

1. Số cán bộ coi thi trong một phòng thi phụ thuộc số lượng sinh viên dự thi: Phòng thi có ít hơn 40 SV cần bố trí ít nhất 1 CBCT; từ 40 đến dưới 80 SV cần bố trí 2 CBCT; từ 80 trở lên cần bố trí ít nhất 3 CBCT. Đối với hình thức thi vấn đáp phải có 02 giảng viên hỏi thi 01 sinh viên.

2. Cán bộ coi thi là người được bộ môn, khoa hoặc Nhà trường phân công làm công tác coi thi. CBCT phải có trang phục theo quy định đối với viên chức, đeo thẻ cán bộ và có mặt 30 phút trước giờ thi. CBCT phải tuân thủ đúng các quy định phòng thi: đánh số chỗ ngồi theo số báo danh dự thi; kiểm tra giấy tờ khi gọi sinh viên vào phòng thi; hướng dẫn sinh viên ghi thông tin vào giấy thi, giấy nhập làm đúng thời gian thi (mở đề, làm bài, thu bài); duy trì trật tự phòng thi và không để xảy ra vi phạm quy chế thi. Khi có trường hợp vi phạm quy chế thi, CBCT phải lập biên bản và gửi kèm với bài thi không đánh dấu vào bài thi của sinh viên. Khi thu bài thi, yêu cầu sinh viên ghi rõ số tờ giấy thi, mã đề thi, nộp bài thi và ký tên vào danh sách thu bài thi.

III. Quy định đối với sinh viên dự thi kết thúc học phần

1. Sinh viên phải đến phòng thi trước giờ thi ít nhất 15 phút. Sinh viên dự thi phải có tên trong Danh sách phòng thi, mang thẻ sinh viên hoặc chứng minh thư. Trường hợp không có các giấy tờ trên, sinh viên phải có giấy xác nhận của phòng Công tác sinh viên và làm giấy cam đoan. Sinh viên không có tên trong danh sách chỉ được dự thi khi có giấy tờ cho phép dự thi có chữ ký của lãnh đạo các phòng ĐTDH hoặc phòng KT&ĐBCLGD.

2. Tuyệt đối không mang tài liệu vào phòng thi đối với các học phần thi không được sử dụng tài liệu không được sử dụng điện thoại di động trong phòng thi. Đối với hình thức thi trắc nghiệm, thực hành trên máy tính không được sử dụng thiết bị có kết nối internet, USB, bluetooth hoặc kết nối hồng ngoại giữa các máy tính và giữa máy tính với các thiết bị khác.

3. Sinh viên vi phạm quy chế thi bị lập biên bản và xử lý theo quy định.

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên.

Trong học kỳ II, năm học 2016-2017, Nhà trường tổ chức khảo thí đối với các học phần đã đăng ký khảo thí và giảng dạy hệ đại học, cao đẳng chính quy tại Hà Nội, Vũng Tàu; khảo thí đối với tất cả các học phần giảng dạy hệ liên thông chính quy tại Quảng Ninh, Quảng Ngãi và Phú Yên.

Danh sách các học phần khảo thí và Kế hoạch tổ chức khảo thí lần I tại các địa điểm Hà Nội và Vũng Tàu được tổng kết trong các bảng kèm theo. Đối với các học phần giảng dạy tại các địa điểm khác Kế hoạch tổ chức khảo thí sẽ được thông báo sau.

Các công tác tổ chức thi được thực hiện theo quy định của Quy trình khảo thí được ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-MDC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mô - Địa chất.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Ban chủ nhiệm các Bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý để thực hiện.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- HUMG (OFFICE);
- Lưu: HC TH, KT&ĐBCLGD.

TL. HIỆU TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH
PHÒNG KT&ĐBCLGD

PGS.TS Dư Thị Xuân Thao

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC KIỂM TRA THỰC HÀNH HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017

TT	Thời gian thực hiện	ĐỢT 1				ĐỢT 2			
		Nội dung đề thi - đáp án	Nhập điểm học	Lỗi chưa thi	Chấm thi	Nội dung đề thi - đáp án	Nhập điểm học	Lỗi chưa thi	Chấm thi
1	Hà Nội	20/07 - 06/8/2017	13/3	25/3/2017	50/50	08/7 - 20/8/2017	22/3	02/07 - 12/8/2017	09/00/00
2	Quảng Trị	27/07 - 03/8/2017	20/3	04/4/2017	50/50	10/08 - 20/08/2017	08/30	01/09 - 08/09/2017	00/00/00

- Lưu ý:**
- Phòng DCH tiếp nhận thi tại Hà Nội, Phòng K1&ĐBCT GD phối hợp với Văn phòng đại diện xếp lịch và tổ chức thi tại cơ sở đào tạo Vĩnh Phúc.
 - Các bộ môn chuẩn bị đề thi và đáp án theo mẫu, nộp về cho Phòng K1&ĐBCT GD theo thời hạn của Đợt 1, Đợt 2 (*) sử dụng để thi và đáp án được xây dựng từ Cơ sở dữ liệu Ngân hàng đề thi và đáp án các đơn vị đã chuẩn bị xong.
 - Các bộ môn bố trí cán bộ coi thi tại Hà Nội theo quy định.
 - Bài thi tại Hà Nội được làm phách trong 02 ngày sau khi thi kết thúc học phần.
 - Các bộ môn hoàn thành chấm thi trong thời gian 07 ngày sau ngày thi kết thúc học phần.

CÁC HỌC PHẦN KHẢO THI TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016-2017 TẠI HÀ NỘI

ĐỢT 1

KHOA	TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Hình thức khảo thi	Số bài
Khoa học cơ bản	1	4010105	Xác suất thống kê	TL	603
	2	4010106	Phương pháp tính	TL	600
	3	4010109	Logic đại cương	TL	150
	4	4010110	Toán tối ưu	TL	402
	5	4010205	Khoa học vật liệu đại cương	TL	60
	6	4010304	Hoà vô cơ phần 2	TL	60
	7	4010306	Hóa phân tích phần 2	TL	60
	8	4010309	Hoà hữu cơ phần 1	TL	60
	9	4010401	Hình học họa hình	TL	38
	10	4010402	Vẽ kỹ thuật	TL	308
	11	4010403	Autocad + TH	THTM	351
	12	4010502	Cơ học lý thuyết 2	TL	249
Lý luận chính trị	13	4000002	Tâm lý học đại cương	TL	154
	14	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	TL	404
	15	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin 1	TL	61
	16	4020103	Pháp luật đại cương	TL	515
	17	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TL	570
Mỏ	18	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	TL	62
	19	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	TL	60
	20	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	TN	190
	21	4030504	Sức bền vật liệu B	TL	140
Khoa học kỹ thuật Địa chất	22	4040107	Địa mạo và trầm tích đề tài	TL	38
	23	4040207	Địa chất mỏ	TL	195
	24	4040902	Môi trường trầm tích	TL	24
Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	25	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	TL	131
	26	4050526	Trắc địa đại cương	TL	220
	27	4050622	Đo đạc địa chính	TN	7
Dầu khí	28	4060142	Địa vật lý đại cương	TL	103
	29	4060401	Nguyên lý pha hũ	TL	67
	30	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	TL	131
	31	4060408	Công nghệ khai thác dầu khí 2	TL	39
	32	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	TL	60
	33	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	TL	60
	34	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	TL	60
	35	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	TL	61
	36	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	THTM	47
	37	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	TN+TL	61
Kinh tế & QTKD	38	4070216	Quản trị học	TN+TL	86
	39	4080406	Viễn thám trong địa tin học	TL	25
Công nghệ thông tin	40	4080604	Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý - văn phòng	THTM	34
	41	4080609	Kế toán máy (tin kinh tế)	TNMT	81
	42	4080730	Xử lý tin hiệu số	TL	39
Cơ điện	43	4090107	An toàn điện	TL	150
	44	4090126	Cơ sở cung cấp điện	TL	93
	45	4090130	Lưới điện 1	TL	53
	46	4090201	Tin hiệu và hệ thống	TL	71
	47	4090204	Kỹ thuật lập trình tự động hóa	TL	131
	48	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển qua trình	TL	51
	49	4090212	Mô hình hóa và mô phỏng quá trình sản xuất	TL	61
	50	4090213	Điện tử công suất	TL	50
	51	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	TL	60
	52	4090222	Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí	TL	63
	53	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	TL	105
	54	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	TL	195
Xây dựng	55	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	TL	71
	56	4030302	Vật liệu xây dựng	TL	37
	57	4100201	Vật liệu xây dựng	TL	100

KHOA	TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Hình thức khảo thí	Số bài
Môi trường	58	4110205	Kết cấu	TL	60
	59	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	TL	22
	60	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tài biến địa chất	TL	204
	61	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	TL	405
	62	4110236	Môi trường và con người	TL	126
	63	4110301	Quản lý chất thải rắn	TL	59
	64	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	TL	
Tổng số bài đợt 1					8844

ĐỢT 2

KHOA	TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Hình thức khảo thí	Số bài
Khoa học cơ bản	1	4010101	Đại số	TL	62
	2	4010103	Giải tích 2	TL	2025
	3	4010104	Xác suất thống kê	TL	414
	4	4010105	Xác suất thống kê	TL	603
	5	4010106	Phương pháp tính	TL	601
	6	4010109	Logic đại cương	TL	150
	7	4010110	Toán tối ưu	TL	200
	8	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	TN+TL	2334
	9	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	TN	1614
	10	4010303	Hóa vô cơ phần 1 + TN	TL	61
	11	4010305	Hóa phân tích phần 1 + TN	TL	120
	12	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	TL	142
	13	4010309	Hóa hữu cơ phần 1	TL	58
	14	4010401	Hình học họa hình	TL	43
	15	4010402	Vẽ kỹ thuật	TL	236
	16	4010403	Autocad + TH	THTM	350
	17	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	TL	271
	18	4010501	Cơ học lý thuyết 1	TL	198
	19	4010502	Cơ học lý thuyết 2	TL	185
	20	4010601	Tiếng Anh NEF1	TL	322
	21	4010602	Tiếng Anh NEF2	TL	260
Lý luận chính trị	22	4000002	Tâm lý học đại cương	TL	155
	23	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	TL	202
	24	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin 2	TL	2213
	25	4020103	Pháp luật đại cương	TL	514
	26	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TL	547
	27	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	TL	1397
Mô	28	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	TN	61
	29	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	TL	65
	30	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	TN	120
	31	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL 2	TL	267
	32	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL 1, 2 + TN	TL	377
	33	4030504	Sức bền vật liệu B	TL	107
Khoa học kỹ thuật Địa chất	34	4040101	Địa chất đại cương	TN+TL	89
	35	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	TL	108
	36	4040207	Địa chất mỏ	TL	39
	37	4040319	Địa chất công trình	TL	283
	38	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn + địa chất công trình	TL	19
	39	4040717	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng	TL	33
Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	40	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	TL	43
	41	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	TL	13
	42	4050202	Xây dựng lưới trắc địa	TL	104
	43	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	TN	310
	44	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	TN	70
	45	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	TL	34
	46	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	TL	219
	47	4050526	Trắc địa đại cương	TL	120
	48	4050622	Đặc địa chính 2	TN	78

KHOA	TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Hình thức khảo thi	Số bài
	46	4060301	Cơ sở bản đồ và kỹ thuật đo đạc	TL	123
	50	4060704	Phương pháp chiếu bản đồ + ĐA	TL	23
Dầu khí	51	4060103	Thăm dò điện 1	TL	44
	52	4060115	Thăm dò phóng xạ	TL	41
	53	4060142	Địa vật lý đại cương	TL	113
	54	4060210	Vật lý vỉa dầu khí + TH	TN	46
	55	4060303	Hóa hữu cơ 2 + TN	TL	113
	56	4060304	Công nghệ sinh học đại cương	TL	104
	57	4060306	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	TL	123
	58	4060313	Các phương pháp phân tích dung cụ	TL	115
	59	4060316	Hóa học các hợp chất polyme	TL	117
	60	4060318	Công nghệ lọc dầu	TL	112
	61	4060327	Động học và nhiệt động học trong công nghệ hóa học	TL	121
	62	4060338	Hóa học dầu mỏ	TL	77
	63	4060401	Nguyên lý phá hủy	TL	56
	64	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	TL	130
	65	4060408	Công nghệ khai thác dầu khí 2	TL	29
	66	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	TL	60
	67	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	TL	60
	68	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	TL	151
	69	4060505	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	TL	41
	70	4060508	Công trình đường ống và bể chứa	TL	42
	71	4060514	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	TL	41
	72	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	TL	66
Kinh tế & QTKD	73	4070101	Kinh tế vi mô	TN	61
	74	4070102	Kinh tế vĩ mô	TN	60
	75	4070103	Kinh tế lượng	TL	117
	76	4070205	Marketing căn bản	TN+TL	442
	77	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	TN+TL	61
	78	4070216	Quản trị học	TN+TL	40
	79	4070303	Kinh tế công nghiệp	TL	137
	80	4070401	Nguyên lý kế toán	TL	509
	81	4070411	Tài chính tiền tệ	TN+TL	139
Công nghệ thông tin	82	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	THTM	134
	83	4080122	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	TL	273
	84	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho Kỹ thuật)	TN+TL	463
	85	4080409	Mô hình hóa và giải các bài toán địa chất	TN	25
	86	4080502	Tiếng Anh chuyên ngành tin học mỏ	TL	21
	87	4080604	Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý - văn phòng	THTM	35
	88	4080707	Lập trình mạng	TL	158
	89	4080730	Xử lý tin hiệu số	TL	29
Cơ điện	90	4090126	Cơ sở cung cấp điện	TL	52
	91	4090152	Vận hành hệ thống điện	TL	151
	92	4090201	Tin hiệu và hệ thống	TL	60
	93	4090204	Kỹ thuật lập trình tự động hóa	TL	120
	94	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	TL	118
	95	4090209	Điều khiển số	TL	102
	96	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	TL	70
	97	4090212	Mô hình hóa và mô phỏng quá trình sản xuất	TL	48
	98	4090215	Các phần tử tự động + TH	TL	112
	99	4090219	Mạng truyền thông công nghiệp	TL	71
	100	4090222	Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy lực	TL	64
	101	4090225	Tin học công nghiệp + TH	TL	114
	102	4090301	Kỹ thuật điện + TN	TN	49
	103	4090302	Kỹ thuật điện tử + TN	TN	153
	104	4090306	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 + TN	TN	97
	105	4090307	Lý thuyết mạch điện - điện tử + TN	TN	214
	106	4090309	Điện tử tương tự và số + TN	TN	232
	107	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	TN	219
	108	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	TN	278

KHOA	TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Hình thức khảo thí	Số bài
	109	4090402	Cơ học máy	TL	161
	110	4090406	Cơ sở thiết kế máy	TL	44
	111	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	TL	113
	112	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	TL	130
	113	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	TL	100
	114	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	TL	44
	115	4090514	Truyền động thủy khí	TL	44
	116	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	TL	68
Xây dựng	117	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	TN	49
	118	4030356	Cơ học đa	TN	136
	119	4100158	Cơ học đa	TL	130
	120	4100201	Vật liệu xây dựng	TL	62
	121	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	TL	33
	122	4100206	Kết cấu thép	TL	38
Môi trường	123	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	TN	67
	124	4110106	Sinh thái học môi trường	TL	207
	125	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	TL	62
	126	4110220	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	TL	402
	127	4110236	Môi trường và con người	TL	80
	128	4110301	Quản lý chất thải rắn	TL	37
	129	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	TL	114
Giáo dục QP	130	4300111	Đường lối quân sự của Đảng	TL	217
	131	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh		
Tổng số bài đợt 2					27303
TỔNG SỐ BÀI HỌC KỲ 2					36147

TL = Tự luận TN = Trắc nghiệm TN+TL = Trắc nghiệm + Tự luận VD = Vấn đáp THTM = Thực hành trên máy

Báo cáo TĐG CTĐT Kỹ thuật môi trường MC H10.10.03.02 Trang MC 000015

ĐỢT 1

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Mã lớp	Hình thức khảo thi	Số bài
1	4010103	Giải tích 2	K61VT	TL	50
2	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	K61VT	TN+TL	50
3	4010305	Hóa phân tích phần 1 + TN	DCDKLD60VT	TL	60
4	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	DCDKKK60VT	TL	40
5	4010402	Vẽ kỹ thuật	DCMOKT60VT	TL	18
6	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	DCDKLD60VT	TL	60
7	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	DCDKKK57VT	TL	51
			DCDKLD58VT	TL	46
			DCMOKT59VT	TL	29
8	4030101	Pha vô đất đá bằng phương pháp khoan-nổ mìn + BTL	DCMOKT59VT	đang cập nhật	29
9	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	DCMOKT60VT	TL	18
10	4030504	Sức bền vật liệu B	DCDKLD60VT	TL	60
11	4050526	Trắc địa đại cương	DCDKKK60VT	TL	40
12	4060303	Hóa hữu cơ 2 + TN	DCDKLD59VT	TL	67
13	4060306	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	DCDKLD59VT	TL	67
14	4060310	Kỹ thuật đo và điều khiển quá trình	DCDKLD59VT	đang cập nhật	67
15	4060318	Công nghệ lọc dầu	DCDKLD58VT	TL	46
16	4060401	Nguyên lý phá hủy	DCDKKK59VT	TL	62
17	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	DCDKKK59VT	TL	62
18	4060405	Công nghệ khoan dầu khí 2	DCDKKK58VT	đang cập nhật	55
19	4060409	Khoan định hướng	DCDKKK58VT	đang cập nhật	55
20	4090201	Tin hiệu và hệ thống	DCCD1D60VT	TL	48
21	4090215	Các phần tử tự động + TH	DCCD1D59VT	TL	48
22	4090225	Tin học công nghiệp + TH	DCCD1D59VT	TL	48
23	4090307	Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN	DCCD1D60VT	TN	48
Tổng số bài đợt 1					1224

ĐỢT 2

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Mã lớp	Hình thức khảo thi	Số bài
1	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	K61VT	TN	50
2	4010402	Vẽ kỹ thuật	DCDKKK60VT	TL	41
3	4030201	Mở vỉa và khai thác than hầm lò	DCMOKT59VT	đang cập nhật	29
4	4030202	Công nghệ khai thác than hầm lò	DCMOKT59VT	đang cập nhật	29
5	4040207	Địa chất mỏ	DCMOKT60VT	TL	18
6	4060304	Công nghệ sinh học đại cương	DCDKLD60VT	TL	60
7	4060313	Các phương pháp phân tích dung cụ	DCDKLD59VT	TL	67
8	4060316	Hóa học các hợp chất polyme	DCDKLD59VT	TL	67
9	4060319	Tiếng Anh chuyên ngành	DCDKLD58VT	đang cập nhật	46
10	4060320	Các sản phẩm dầu mỏ và phụ gia	DCDKLD58VT	đang cập nhật	46
11	4060327	Động học và nhiệt động học trong công nghệ hóa học	DCDKLD59VT	TL	67
12	4060406	Dung dịch khoan và vừa trám + TN	DCDKKK58VT	đang cập nhật	55
13	4060519	Thiết bị khoan Dầu khí 1	DCDKKK58VT	đang cập nhật	55
14	4090204	Kỹ thuật lập trình tự động hóa	DCCD1D60VT	TL	48
15	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	DCCD1D60VT	TL	49
16	4090212	Mô hình hóa và mô phỏng quá trình sản xuất	DCDKLD58VT	TL	46
17	4090251	Kỹ thuật Vi điều khiển	DCCD1D59VT	đang cập nhật	48
18	4090255	Truyền động điện	DCCD1D59VT	đang cập nhật	48
19	4090302	Kỹ thuật điện tử + TN	DCDKLD60VT	TN	60
20	4090309	Điện tử tương tự và số +TN	DCCD1D60VT	TN	48
21	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	DCDKKK60VT	TN	40
22	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	DCDKKK59VT	TN	62
			DCDKLD60VT	TN	60
23	4090403	Cơ học máy	DCMOKT60VT	TL	18
24	4090406	Cơ sở thiết kế máy	DCDKKK59VT	TL	62
25	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	DCDKKK60VT	TL	41
26	4100158	Cơ học đa	DCMOKT60VT	TN	18
Tổng số bài đợt 2					1278
TỔNG SỐ BÀI HỌC KỲ 2					2502

TL = Tự luận, TN = Trắc nghiệm, TN+TL = Trắc nghiệm + Tự luận, VL = Văn đáp, THM = Trắc nghiệm trên máy.